

b / Tồn tại:

- Năng suất các loại cây trồng, con vật nuôi còn đạt thấp chưa ổn định, hiệu quả sản xuất nông - lâm nghiệp chưa cao.

- Diện tích cây lúa được tưới bằng công trình thủy lợi kiên cố chiếm tỷ lệ thấp, còn một số vùng bị động về nguồn nước phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Công tác giải quyết việc làm cho các hộ nông dân còn bị động, lúng túng.

- Một số hộ dân còn có tư tưởng trông chờ ỷ lại nhà nước.

2.2/ Những nguyên nhân của tồn tại:

Một số xã và cơ quan chức năng chưa kịp thời tham mưu cho xã và huyện xây dựng quy hoạch cơ bản vùng trồng và định hướng phù hợp với thổ nhưỡng của từng địa phương, nên việc chỉ đạo tổ chức thực hiện sản xuất còn bị động lúng túng.

- Trình độ năng lực về quản lý và kỹ thuật của cán bộ, nhất là ở cơ sở còn yếu và thiếu, chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế quản lý mới, công tác quy hoạch, chính sách đào tạo cán bộ chưa được quan tâm đúng mức, công tác tuyên truyền vận động nhân dân của một số địa phương chưa đồng bộ.

B/ Chương trình phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp của huyện giai đoạn (2006 – 2010)

I/ Các chỉ tiêu chủ yếu

Phấn đấu hàng năm đạt mức tăng trưởng từ 8 - 10% , đến năm 2010 đạt một số chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

1/ Cây lúa nước:

Diện tích gieo sạ: 1.550 ha.

Năng suất bình quân: 32,5 tạ/ ha.

Sản lượng: 5.037,5 tấn.

2/ Đàn trâu: Vận động nhân dân duy trì ổn định ở mức: 3.900 - 4.200 con.

3/ Đàn bò: Phát triển lên 3.000 con, trong đó: Bò lai sind chiếm tỷ lệ từ 30 % trở lên.

4/ Cây mỳ:

- Diện tích: 800 ha.

- Năng suất: 10 tấn.

- Sản lượng: 8.000 tấn.

5/ Cây Lâm nghiệp

Diện tích trồng mới hàng năm: 300 ha.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, đảm bảo độ che phủ đến năm 2010 đạt 49 % .

II/ Giải pháp thực hiện giai đoạn (2006 – 2010)

1/ Giá trị sản xuất một số ngành sản xuất chủ yếu đến năm 2010 (tính theo giá cố định 1994)

a/ Về nông nghiệp:

Giá trị sản xuất 28,175 tỷ. Cần phải phân đầu đưa giá trị thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp đạt (20-25 triệu/ đồng/ ha).

b/ Lâm nghiệp:

Giá trị sản xuất đạt 3,599 tỷ đồng. Cần chăm sóc tốt diện tích keo đã trồng, quản lý tốt nguồn lâm sản địa phương như: Sa nhân, mây, tre...; và thực hiện tất cả diện tích rừng đều có chủ, không để đất trống đồi trọc.

c/ Thủy sản:

Giá trị sản xuất đạt 211,89 triệu đồng. Cần quản lý bảo vệ tốt diện tích sông suối, các hồ chứa, đập dâng tận dụng mặt nước tự nhiên đưa vào khai thác, nâng diện tích nuôi cá lên 20 ha.

d/ Chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, theo hướng tăng dần giá trị sản xuất các ngành thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp một cách hợp lý, tạo động lực thúc đẩy kinh tế phát triển.

Có kế hoạch giải quyết việc làm nhất là ở khu vực nông thôn.

2 / Về trồng trọt

a/ Cây lương thực:

Đến năm 2010 sản lượng cây lương thực đạt: 5.127,5 tấn, tập trung chủ yếu là 02 loại cây chính là lúa và ngô, kế hoạch cụ thể phát triển 02 loại cây trồng này như sau:

***/ Cây lúa:**

Đến năm 2010 đưa diện tích gieo sạ lên 1.550 ha, những xã còn đất nông nghiệp chưa đưa vào sản xuất, có kế hoạch giao cho dân khai hoang, phục hóa để mở rộng diện tích. Đến năm 2006 hồ chứa nước Biều Qua hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ tạo điều kiện cho nhân dân khai hoang mở rộng diện tích về cây lúa, kết hợp với chương trình định canh định cư, và chương trình 134 hỗ trợ về việc khai hoang để đảm bảo

diện tích đất sản xuất theo quy định cho các hộ đồng bào dân tộc. Chuyển diện tích 20ha - 30 ha lúa 1 vụ hoặc 2 vụ bắp bênh thiếu nước, năng suất thấp, kém hiệu quả ở các xã: Long Sơn, Long Mai, Long Hiệp, Thanh An sang trồng cỏ để nuôi bò, hoặc trồng các loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Có kế hoạch xây dựng vùng sản xuất lúa giống cấp I, giống xác nhận đảm bảo chất lượng theo quy định, các loại giống này phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương. Các xã: Long Sơn (đồng Ruộng Thủ), Long Mai (Đồng Xối)... mỗi xã từ 2 – 4ha; ở huyện từ 5 – 7ha

Các xã không tổ chức được vùng sản xuất lúa giống thì có kế hoạch tổ chức các điểm bán lúa giống trợ giá, trợ cước phân vô cơ, trước mắt cần mở điểm bán ở xã Long Sơn để cung ứng giống cho nông dân. Tuyệt đối không để nông dân lấy lúa ăn gieo sạ. Các điểm bán lúa giống cần kết hợp bán vật tư nông nghiệp cho dân, để phục vụ sản xuất.

Thực hiện nghiêm túc cơ cấu giống và lịch thời vụ.

Chuyển diện tích 50 ha lúa 3 vụ không ăn chắc sang gieo sạ 2 vụ ăn chắc.

Thực hiện chương trình 3 giảm 3 tăng (Giảm: Phân, giống, thuốc BVTV; tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả). Thực hiện đầy đủ các biện pháp khoa học kỹ thuật để đảm bảo năng suất bình quân đạt 32,5 tạ/ha.

*/ Cây ngô:

Diện tích 50 - 55 ha, năng suất 19 - 19,5 tạ/ha, cần dùng các giống ngô mới: LVN10 và CP999. Tiếp tục trồng ngô mô hình ở Long Sơn, Long Mai để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

b/ Phát triển vùng nguyên liệu phụ vụ công nghiệp chế biến:

*/ Cây mỳ:

Đến năm 2010 sản lượng đạt 8.000 tấn. Cần bố trí diện tích 800 ha, tuyên truyền vận động nông dân dùng giống cao sản như: KM60, KM 95 để trồng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh việc đầu tư thâm canh. Đảm bảo năng suất bình quân 10 tấn/ha.

*/ Lâm nghiệp:

Để nâng độ che phủ của rừng từ 45 - 49 % vào năm 2010 cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- Hàng năm có kế hoạch trồng rừng tập trung và phân tán từ 300ha - 350 ha, để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của tỉnh. Quản lý việc trồng rừng nguyên liệu theo quy hoạch được phê duyệt, tăng cường công tác bảo vệ rừng, gắn công tác quy hoạch phát triển lâm nghiệp với quy hoạch sử dụng đất, tạo điều kiện cho các hộ dân có diện tích đất sản xuất, đảm bảo cho người dân nhận rừng quản lý, bảo vệ, phát triển và hưởng lợi từ rừng theo quy định của nhà nước.

- UBND các xã, Hạt kiểm lâm huyện chỉ đạo hướng dẫn các chủ rừng thực hiện nghiêm túc phương án phòng cháy, chữa cháy; củng cố các tổ, đội phòng cháy chữa cháy rừng. Xây dựng quy ước bảo vệ rừng đến thôn bản và hướng dẫn nhân dân để tổ chức thực hiện, kiểm lâm địa bàn và UBND các xã kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi xâm hại đến rừng như: chặt phá, đốt rừng làm nương rẫy trái phép.

- Điều chỉnh quy hoạch diện tích 3 loại rừng: Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng cây bản địa (có mây nếp) và cây keo theo quy hoạch phát triển rừng.

- Tiến hành đo đạc diện tích đất lâm nghiệp và giao cho hộ gia đình quản lý sử dụng, để người dân mạnh dạn bỏ vốn đầu tư trồng rừng.

- Xây dựng từ 2 - 3 vườn ươm cây giống tại các xã Long Sơn, Long Mai và Long Môn để cung ứng cây con cho dự án trồng rừng phòng hộ và nhu cầu của nhân dân.

3/ Phát triển nuôi thủy sản

- Khảo sát lại tất cả các ao hồ đã có, các vùng có điều kiện về nguồn nước ao hồ tự nhiên.

Có kế hoạch quản lý, bảo vệ hồ chứa nước Đồng Cẩn (Thanh An) và lòng hồ Biều Qua (Long Sơn) để nuôi cá.

- Nghiêm cấm các hình thức đánh bắt cá bằng thuốc nổ, chất hóa học nhằm bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản trong thiên nhiên.

- Xây dựng mô hình trình diễn nuôi cá nước ngọt để nhân rộng trên địa bàn huyện, đồng thời tổ chức tập huấn quy trình kỹ thuật đào ao nuôi cá cho nông dân ở những vùng có điều kiện.

4/ Cây ăn quả

Xây dựng vườn cây ăn quả ở các xã bằng các loại cây: Chôm chôm, nhãn và cây có múi (cam, quýt,...), đồng thời đẩy mạnh việc cải tạo vườn tạp thành vườn cây ăn quả ở hộ gia đình.

Phát triển trồng cau hàng niên kết hợp trồng chuối hoặc dứa để góp phần nâng cao hiệu quả trên 01 đơn vị diện tích.

5/ Cây thực phẩm

Có kế hoạch hướng dẫn nhân dân trồng các loại rau, đậu nhằm tạo nguồn thực phẩm tại chỗ đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Tập trung làm thí điểm một số hộ ở địa bàn xã Long Sơn, Long Mai và Long Hiệp.

6/ Chăn nuôi

a/ Đàn gia súc:

Đẩy mạnh việc phát triển chăn nuôi gia súc, đưa đàn bò đạt 3.000 con đến năm 2010, trong đó bò lai 900 con (đạt tỷ lệ 30 %). Vận động và tạo điều kiện cho các hộ dân tăng tổng đàn. Bằng các nguồn vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội, nguồn vốn từ các chương trình dự án hỗ trợ cho đồng bào miền núi. Hướng dẫn và vận động nhân dân trồng cỏ đảm bảo thức ăn cho đàn gia súc, sử dụng các giống cỏ voi, cỏ sữa, cỏ Ghine khoảng 20 ha (Nguồn quỹ đất từ 5 - 10 ha đất lúa kém hiệu quả, và 10 - 15 ha từ đất màu, gò đồi). Có kế hoạch cung ứng giống cỏ cho nhân dân. Từng địa phương cân đối đàn bò để bố trí diện tích đất trồng cỏ cho phù hợp và khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế trang trại. Kết hợp chăn nuôi đại gia súc.

- Tạo điều kiện cho dẫn tinh viên hoạt động, những nơi xa xôi hẻo lánh thì có đực giống tại chỗ để phối giống nhằm đảm bảo số lượng bò lai đạt tỷ lệ 30% trở lên.

- Tăng cường việc tiêm phòng đàn trâu bò tối thiểu phải đạt 70 %.

b/ Đàn lợn:

Phát triển đàn lợn lên 5.550 con vào năm 2010 để đảm bảo duy trì ổn định và tăng số lượng, chất lượng đàn lợn trên địa bàn huyện cần thực hiện các giải pháp sau:

- Có kế hoạch tuyển chọn con giống để cung cấp cho hộ nông dân chăn nuôi giống ngoại: Landrát, Yordshea để phát triển nạc hóa đàn lợn.

- Phát triển con lai F1 được sản xuất từ lợn mẹ móng cái (giống trong nước) lai với giống ngoại.

- Trình diễn mô hình nuôi lợn công nghiệp (nuôi thịt) rút ngắn thời gian lưu chuồng đảm bảo chăn nuôi có lãi, tổ chức tham quan học tập, từng bước nhân rộng trên địa bàn huyện.

c/ Đàn gia cầm:

Để duy trì và phát triển đàn gia cầm trong huyện cần tập trung thực hiện: tiêm vacxin phòng dịch và vacxin phòng dịch cúm gia cầm cho đàn gia cầm theo quy định.

- Đàn vịt: Ít nhất mỗi xã có 01 điểm chăn nuôi tập trung, không thả rông, chạy đồng. Trạm Thú y theo dõi giám sát tình hình dịch bệnh, định kỳ phun thuốc khử trùng, tiêu độc.

- Đàn gà: Khuyến khích tăng số lượng giống gà địa phương, gà pha công nghiệp ở các hộ nuôi với số lượng lớn, tập trung hạn chế nuôi thả ở các hộ gia đình.

- UBND các xã và các ngành chức năng phối hợp kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các hộ chăn nuôi gia cầm phải làm chuồng trại, nuôi nhốt, không được thả rông.

- Trạm Thú y thường xuyên kiểm tra, định kỳ giám sát theo dõi tình hình dịch bệnh gia súc gia cầm, phát hiện kịp thời và có kế hoạch phòng trừ hiệu quả, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng.

III/ Tổ chức thực hiện

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chương trình phát triển kinh tế nông lâm nghiệp đến năm 2010, cần tập trung thực hiện tốt những công tác sau:

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, cụ thể: Thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ trên cơ sở thực hiện tốt chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và các dự án đầu tư đã được duyệt; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; khai thác mọi tiềm năng về đất đai, lao động có hiệu quả, chỉ đạo thực hiện nghiêm ngặt lịch thời vụ, cơ cấu giống theo từng mùa vụ.

- Chuyển giao giống cây trồng, gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng cao cho nông dân ứng dụng vào chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và trồng trọt.

- Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh đúng quy trình, các cơ quan chức năng thường xuyên đi cơ sở kịp thời phát hiện dịch bệnh để có biện pháp ngăn ngừa phòng trừ có hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm dịch ở chợ, điểm giết mổ.

- Có kế hoạch từng bước hoàn thiện hệ thống hồ, đập và kênh mương trên địa bàn huyện, huy động ngày công nghĩa vụ công ích nạo vét kênh mương, gia cố các hồ chứa, đập dâng, xây dựng đập tạm, đập bồi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác duy tu, bảo vệ các công trình thuỷ lợi trong huyện, cần nêu cao tinh thần trách nhiệm của UBND các xã và các cơ quan chuyên môn của huyện.

- Phối hợp các ngành liên quan, các đoàn thể trong huyện thực hiện tốt các chỉ tiêu của huyện đề ra.

Điều 2. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện, các thành viên HĐND có kế hoạch giám sát kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 6 HĐND huyện khoá IX nhiệm kỳ (2004 – 2009) thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Đình Văn Siêng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/2006/QĐ-UBND

Nghĩa Hành, ngày 02 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Phòng Nông - Lâm - Thủy sản

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 119/2005/QĐ-UBND ngày 13/12/2005 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông lâm - Thủy sản và Trưởng phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nông- Lâm -Thủy sản.

Điều 2. Trưởng phòng Nông -Lâm -Thủy sản chịu trách nhiệm triển khai thực hiện và xây dựng qui chế làm việc của cơ quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng; Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Ban, Phòng liên quan và Trưởng phòng Nông lâm - Thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Thị Thuý Nga**